

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong đó yêu cầu đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn giao thông;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp giao thông vận tải, đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban chấp hành trung ương Đảng Quy định kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các công tác xây dựng pháp luật;

- Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước;

- Kết luận số 105-KL/BCSD ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải Kết luận của Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải cho ý kiến về ban hành giá tối đa các dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Khoản 2 Điều 24 Luật Giá số 16/2023/QH15: “2. Văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.”;

- Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15: Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại mục 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 thì Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) là Cơ quan có thẩm quyền định giá tối đa đối với “*Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải bao gồm: dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng.*”;

- Điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP giao thẩm quyền: “2. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền theo lĩnh vực quản lý để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực;”.

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng: Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP thì Bộ Xây dựng có nhiệm vụ, quyền hạn “Ban hành thông tư và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; ...”;

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 31 tháng 12 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển;

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- QCVN 64:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển;

- QCVN 65:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển;

- QCVN 21:2025/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép;

- QCVN 26:2018/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu;

- QCVN 42:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển;

- QCVN 99:2017/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát và quản lý nước tràn và cặn nước tràn biển;

- QCVN 38:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và chế tạo công-te-nơ vận chuyển trên các phương tiện giao thông vận tải;

- QCVN 72:2025/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa;

- Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74);

- Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78);

- Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước tràn và cặn nước tràn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004);

- Công ước quốc tế về quy tắc tránh va trên biển (COLREG);
- Bộ luật về phê duyệt hệ thống quản lý nước dẫn tàu (Bộ luật BWMS);
- Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS);
- Bộ luật quốc tế về trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA);

2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định tại mục 8 Phụ lục II Luật Giá 2023, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) có thẩm quyền định giá tối đa cho *“Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải bao gồm: dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh, kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông; .v.v.”*.

Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT quy định một trong các nội dung của công tác đăng kiểm tàu biển là: *“Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải”*.

Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT quy định một trong các nội dung của công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa là: *“Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.”*

QCVN 64:2015/BGTVT tại mục 1.1.1 Chương 1, phần II của quy định máy, vật liệu và trang thiết bị dùng cho đóng mới, hoán cải và sửa chữa tàu biển gọi là *“sản phẩm công nghiệp”*. Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT, Điều 3 *“Giải thích từ ngữ”* khoản 1 có quy định *“Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa gồm: vật liệu, máy móc và các trang thiết bị được sử dụng trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa”*

Từ cơ sở thực tiễn nêu trên cho thấy kiểm định, kiểm tra công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa được gọi tắt là *“Dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa”*.

Khoản 7 và khoản 10 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT cũng quy định *“đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển”* và *“Cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển”* là hai nội dung của công tác đăng kiểm tàu biển.

Do đó, định giá tối đa cho *“dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn”* là hạng mục của định giá tối đa cho dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh, kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông.

Trên cơ sở đó, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cần ban hành theo quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được xây dựng cho các dịch vụ cụ thể như sau:

(1) Dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển được quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung.

Tên gọi chi tiết các dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp được quy định tại QCVN 64:2015/BGTVT. Cơ sở phân chia các dịch vụ kiểm định theo đặc trưng kỹ thuật của dịch vụ.

Cơ sở cho đặc điểm cơ bản cơ bản của dịch vụ xem tại Phụ lục đính kèm.

(2) Dịch vụ kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung, chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm.

Tên gọi chi tiết các dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp được quy định tại QCVN 72:2025/BGTVT. Cơ sở phân chia các dịch vụ kiểm định theo đặc trưng kỹ thuật của dịch vụ.

Cơ sở cho đặc điểm cơ bản cơ bản của dịch vụ xem tại Phụ lục đính kèm.

(3) Dịch vụ chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp được quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung.

Tên gọi chi tiết các dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp được quy định tại QCVN 65:2015/BGTVT. Cơ sở phân chia các dịch vụ kiểm định theo mô hình quản lý chất lượng của cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp.

Cơ sở cho đặc điểm cơ bản cơ bản của dịch vụ xem tại Phụ lục đính kèm.

(4) Dịch vụ chứng nhận thợ hàn được quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung, chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm.

Tên gọi chi tiết các dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp được quy định tại QCVN 21:2025/BGTVT. Cơ sở phân chia các dịch vụ kiểm định theo bậc và tay nghề thợ hàn.

Cơ sở cho đặc điểm cơ bản cơ bản của dịch vụ xem tại Phụ lục đính kèm.

Từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn là cần thiết và đủ cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

Việc xây dựng, ban hành Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn để bảo đảm thực hiện quy định pháp luật về giá (Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) và phục vụ công tác quản lý của Bộ Xây dựng trong hoạt động đăng kiểm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

- Tuân thủ, cụ thể hóa quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;
- Kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định, phù hợp về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong thời gian qua;
- Đảm bảo tính tương thích, tuân thủ quy định các điều ước quốc tế trong lĩnh vực đăng kiểm mà Việt Nam là thành viên;
- Đảm bảo tính hợp lý, thống nhất giữa các điều khoản của Thông tư, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực hiện;
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Đảm bảo không có nội dung quy định thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) đã thành lập Tổ Soạn thảo xây dựng Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy và phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn (Quyết định số 536/QĐ-ĐKVN ngày 15/4/2025).

2. Ngày 16/4/2025, Cục ĐKVN trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy và phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn (Công văn số 1743/ĐKVN-CN ngày 16/4/2025).

3. Ngày 18/4/2025, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 2311/BXD-KHCNMT&VLXD chấp thuận Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy và phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn.

4. Ngày /6/2025, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã có Công văn số /ĐKVN-CN trình hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn.

5. .v.v.

Đến nay, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục ĐKVN đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn.

b) Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư

Thông tư được bố cục gồm các phần chính như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn

Điều 4. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của Thông tư là các danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các dịch vụ quy định tại Điều 2 và Phụ lục kèm theo Thông tư, cụ thể như sau:

Phụ lục I - Dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển

Phụ lục II - Dịch vụ kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa

Phụ lục III - Dịch vụ đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp

Phụ lục IV- Dịch vụ chứng nhận thợ hàn

4. Giải trình thay đổi dự thảo Thông tư so với Đề cương chi tiết được chấp thuận.

- Thay đổi tên thông tư, bỏ “phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển trên biển” do đối chiếu quy định pháp luật hiện hành về công tác kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển với quy định pháp luật về giá, nhận thấy chưa có đủ cơ sở để xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển trên biển.

- Thay đổi tên thông tư, thêm “kiểm tra” vì theo thông tư số 48/2015/TT-BGTVT điều 4, khoản 3 “Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.” Nên dịch vụ đăng kiểm sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa là dịch vụ kiểm tra, không phải kiểm định.

- Đổi tên Phụ lục I từ “Nhóm dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển” thành “Dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển” vì lý do nêu trên.

- Đổi tên Phụ lục II từ “Nhóm dịch vụ về kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa” thành “Dịch vụ kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa” vì lý do nêu trên.

5. Thông tư không quy định, phát sinh thủ tục hành chính.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

a) Dự kiến nguồn lực thi hành

Sau khi Thông tư được ban hành, dự kiến kinh phí triển khai Thông tư bao gồm: Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Thông tư, kinh phí kiểm tra, giám sát thực hiện Thông tư được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của nguồn chi thường xuyên của Cục ĐKVN có thể đáp ứng và sẽ chủ động bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Tuyên truyền, phổ biến Thông tư: Cục ĐKVN, các Chi cục đăng kiểm tàu biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Nguồn kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư đã được nêu tại mục a) nêu trên;

+ Nguồn nhân lực thực hiện: Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và vật liệu xây dựng Bộ xây dựng phối hợp với Cục ĐKVN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ bố trí lãnh đạo, chuyên viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư.

- Giám sát, kiểm tra, theo dõi thi hành Thông tư: Cục ĐKVN thực hiện kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành Thông tư theo quy định.

2. Thời gian trình thông qua/ban hành

Theo Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, thời gian trình Bộ và trình Bộ trưởng cụ thể như sau:

- Thời gian trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết: trong tháng 4/2025.

- Thời gian trình Bộ Xây dựng dự thảo văn bản: trong tháng 6/2025.

- Thời gian trình Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng thẩm định dự thảo văn bản: tháng 8/2025.

- Thời gian trình Bộ trưởng: tháng 9/2025

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn, Vụ KHCN MT&VLXD kính trình Bộ trưởng xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐKVN (để p/h);
- Lưu: VT, KHCN MT&VLXD.

VỤ TRƯỞNG

Lê Trung Thành

Phụ lục

CƠ SỞ XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN, PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA; ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ KIỂM TRA, THỦ TRƯỞNG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP; CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

1. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ kiểm định động cơ đốt trong	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
2	Dịch vụ kiểm định tua bin tăng áp khí xả	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
3	Dịch vụ kiểm định máy phát điện	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
4	Dịch vụ kiểm định động cơ điện/ mô tơ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
5	Dịch vụ kiểm định bảng/ tủ điện	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
6	Dịch vụ kiểm định thiết bị điều khiển	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
7	Dịch vụ kiểm định máy biến áp	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT
8	Dịch vụ kiểm định cáp điện	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
9	Dịch vụ kiểm định máy nén khí	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
10	Dịch vụ kiểm định máy lái	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 15 QCVN 21:2025/BGTVT
11	Dịch vụ kiểm định tời, tời neo, tời cuốn dây	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 16 QCVN 21:2025/BGTVT
12	Dịch vụ kiểm định bơm	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
13	Dịch vụ kiểm định van	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
14	Dịch vụ kiểm định bộ lọc dầu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
15	Dịch vụ kiểm định chân vịt	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 7 QCVN 21:2025/BGTVT
16	Dịch vụ kiểm định áo lót trục và ống bao	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 6 QCVN 21:2025/BGTVT
17	Dịch vụ kiểm định chân vịt biến bước	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 7 QCVN 21:2025/BGTVT
18	Dịch vụ kiểm định bộ giảm tốc	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 5 QCVN 21:2025/BGTVT
19	Dịch vụ kiểm định khớp nối trục	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 7 QCVN 21:2025/BGTVT
20	Dịch vụ kiểm định neo	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 7B, chương 2, QCVN 21:2025/BGTVT
21	Dịch vụ kiểm định	Khoản 6 Điều 4	Phần 7B, chương 3, QCVN

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
	xích neo	Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	21:2025/BGTVT
22	Dịch vụ kiểm định cáp thép và cáp sợi	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 7B, chương 4 và chương 5, QCVN 21:2025/BGTVT
23	Dịch vụ kiểm định mắt nối (Maní) và mắt xoay	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 7B, chương 3, QCVN 21:2025/BGTVT
24	Dịch vụ kiểm định nắp hầm hàng	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 2B, chương 17, QCVN 21:2025/BGTVT
25	Dịch vụ kiểm định quạt thông gió	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Phần 7A, chương 3, chương 4, chương 7 và chương 8, QCVN 21:2025/BGTVT
26	Dịch vụ kiểm định vật liệu cán, kéo	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 7A, chương 3, chương 4, chương 7 và chương 8, QCVN 21:2025/BGTVT
27	Dịch vụ kiểm định thép đục và thép rèn	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 7B, chương 5 và chương 6, QCVN 21:2025/BGTVT
28	Dịch vụ kiểm định nồi hơi	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT
29	Dịch vụ kiểm định bộ trao đổi nhiệt	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT
30	Dịch vụ kiểm định bình chịu áp lực	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 11, QCVN 21:2025/BGTVT
31	Dịch vụ kiểm định thiết bị nâng	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	QCVN 23:2016/BGTVT
32	Dịch vụ kiểm định	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số	Phần 6, chương 6, QCVN

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
	vật liệu hàn	40/2016/TT-BGTVT	21:2025/BGTVT
33	Dịch vụ kiểm định vật liệu phi kim loại	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 3, chương 6, QCVN 21:2025/BGTVT
34	Dịch vụ kiểm định cửa ra vào hoặc cửa sổ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 7B, chương 7, chương 8, QCVN 21:2025/BGTVT - Phần 3 Bộ luật về thử lửa trên tàu biển (FPT code) - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74);
35	Dịch vụ kiểm định hệ thống chữa cháy cố định	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
36	Dịch vụ kiểm định ống cứu hỏa	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
37	Dịch vụ kiểm định quần áo người chữa cháy	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 23 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
38	Dịch vụ kiểm định thiết bị thở	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS).
39	Dịch vụ kiểm định quần áo bảo vệ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS).
40	Dịch vụ kiểm định thiết bị thở thoát hiểm sự cố	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
41	Dịch vụ kiểm định vòi phun (gồm kiểu mở và kiểu đóng)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 10 QCVN 21:2025/BGTVT - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
42	Dịch vụ kiểm định van thông hơi tốc độ cao	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 12 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974)
43	Dịch vụ kiểm định hệ thống khí trợ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 35 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước Quốc tế về An toàn Sinh mạng trên Biển (SOLAS – Chương II-2)
44	Dịch vụ kiểm định cảm biến cháy, đèn chỉ báo sự cố	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 3 QCVN 21:2025/BGTVT.

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			- Phần 5, chương 7 QCVN 21:2025/BGTVT. - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
45	Dịch vụ kiểm định thiết bị phát hiện và báo động cháy	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 29 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
46	Dịch vụ kiểm định hệ thống báo động xả chất dập cháy	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 5, chương 25, 26, 27 của QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
47	Dịch vụ kiểm định xuồng cứu sinh - kín một phần (≥ 25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
48	Dịch vụ kiểm định xuống cứu sinh - kín một phần (<25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
49	Dịch vụ kiểm định xuống cứu sinh - kín toàn phần (≥25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
50	Dịch vụ kiểm định xuống cứu sinh - kín toàn phần (<25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
51	Dịch vụ kiểm định bè tự thổi (≥25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
52	Dịch vụ kiểm định bè tự thổi (<25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
53	Dịch vụ kiểm định xuống cứu sinh xuyên lửa (≥ 25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
54	Dịch vụ kiểm định xuống cứu sinh xuyên lửa (< 25 người)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
55	Dịch vụ kiểm định xuống cấp cứu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
56	Dịch vụ kiểm định cầu nâng hạ xuống	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
57	Dịch vụ kiểm định tời nâng hạ xuồng	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
58	Dịch vụ kiểm định quần áo bơi, bộ quần áo bảo vệ kín	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
59	Dịch vụ kiểm định áo phao (gồm đèn chiếu của áo phao)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
60	Dịch vụ kiểm định phao tròn	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
61	Dịch vụ kiểm định dụng cụ chống mất nhiệt	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
62	Dịch vụ kiểm định được cầm tay	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
63	Dịch vụ kiểm định thiết bị phóng dây (gồm súng, đầu phóng)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
64	Dịch vụ kiểm định thang cho người lên/xuống tàu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
65	Dịch vụ kiểm định dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
66	Dịch vụ kiểm định dụng cụ nổi cứu sinh tập thể	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần II, Chương 2 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương III Công ước quốc tế về an toàn sinh

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			mạng con người trên biển (SOLAS 1974) - Bộ luật quốc tế về Trang bị cứu sinh (Bộ luật LSA)
67	Dịch vụ kiểm định thiết bị phân ly dầu nước 15ppm	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 2 QCVN26:2024/BGTVT - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)
68	Dịch vụ kiểm định thiết bị báo động 15ppm	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 2 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)
69	Dịch vụ kiểm định hệ thống quản lý nước dẫn tàu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 6 QCVN 99:2017/BGTVT - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWI, 2004) - Bộ luật về phê duyệt hệ thống quản lý nước dẫn tàu (Bộ luật BWMS)
70	Dịch vụ kiểm định thiết bị phát hiện ranh giới dầu nước	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Phụ lục I Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78).
71	Dịch vụ kiểm định hệ thống điều khiển và kiểm soát xả dầu, kể cả đo nồng độ dầu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 2 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
72	Dịch vụ kiểm định máy rửa dầu thô	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 2 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)
73	Dịch vụ kiểm định hệ thống xử lý nước thải	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 7, chương 2 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)
74	Dịch vụ kiểm định thiết bị đốt chất thải	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 3, chương 9 QCVN 21:2025/BGTVT - Phụ lục VI Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL 73/78)
75	Dịch vụ kiểm định thiết bị VHF đàm thoại 2 chiều	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương II & IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
76	Dịch vụ kiểm định thiết bị phát báo ra đa	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương II & IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
77	Dịch vụ kiểm định hệ thống truyền thanh công cộng	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
78	Dịch vụ kiểm định máy thu NAVTEX hàng hải	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
79	Dịch vụ kiểm định trạm thông tin vệ tinh INMARSAT	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
80	Dịch vụ kiểm định phao vô tuyến định vị sự cố	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
81	Dịch vụ kiểm định thiết bị vô tuyến điện sóng trung/sóng ngắn	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
82	Dịch vụ kiểm định thiết bị định vị toàn cầu GPS	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			- Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
83	Dịch vụ kiểm định đèn hành hải, đèn tín hiệu (đèn mất chủ động, đèn neo và đèn hạn chế hoạt động)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 3 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-2 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
84	Dịch vụ kiểm định thiết bị phát tín hiệu âm thanh	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước quốc tế về Quy tắc Tránh va trên biển (COLREG) - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
85	Dịch vụ kiểm định thiết bị vô tuyến điện VHF	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
86	Dịch vụ kiểm định thiết bị la bàn từ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
87	Dịch vụ kiểm định thiết bị la bàn điện	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
88	Dịch vụ kiểm định thiết bị ra đa	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
89	Dịch vụ kiểm định thiết bị đo tốc độ và khoảng cách hành trình	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
90	Dịch vụ kiểm định hệ thống thu nhận âm thanh	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
91	Dịch vụ kiểm định đèn tín hiệu ban ngày	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 3 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước quốc tế về Quy tắc Tránh va trên biển (COLREG)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
92	Dịch vụ kiểm định thiết bị đo sâu	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
93	Dịch vụ kiểm định hệ thống nhận dạng tự động (AIS)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
94	Dịch vụ kiểm định thiết bị chỉ báo vòng quay và chiều quay chân vịt (chế độ hoạt động)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
95	Dịch vụ kiểm định hệ thống điện thoại trực tiếp	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2, 3 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
96	Dịch vụ kiểm định hệ thống thông tin và hải đồ điện tử (ECDIS)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			74)
97	Dịch vụ kiểm định thiết bị ghi dữ liệu hành trình (VDR/S-VDR)	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
98	Dịch vụ kiểm định hệ thống báo động an ninh	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 4 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương IV Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
99	Dịch vụ kiểm định hệ thống báo động sự cố chung, hệ thống giám sát và báo động	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Phần 4, chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT - Chương II-3 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74) - Bộ luật quốc tế về các hệ thống an toàn chống cháy (Bộ luật FSS)
100	Dịch vụ kiểm định hệ thống truy và nhận dạng tầm xa	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
101	Dịch vụ kiểm định thiết bị trực ca hàng hải buồng lái	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
102	Dịch vụ kiểm định hệ thống kiểm soát hướng	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- Chương 5 QCVN 42:2015/BGTVT - Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS 74)
103	Dịch vụ kiểm định công ten nơ	Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	QCVN 38:2015/BGTVT

2. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên phương tiện thủy nội địa

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
1	Dịch vụ kiểm tra động cơ đốt trong	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 2 QCVN 72:2025/BGTVT
2	Dịch vụ kiểm tra máy lái	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 12 QCVN 72:2025/BGTVT
3	Dịch vụ kiểm tra tời, tời neo, tời cuốn dây	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 13 QCVN 72:2025/BGTVT
4	Dịch vụ kiểm tra chân vịt	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 5 QCVN 72:2025/BGTVT
5	Dịch vụ kiểm tra áo lót trục và ống bao	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 4 QCVN 72:2025/BGTVT
6	Dịch vụ kiểm tra chân vịt biến bước	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 5 QCVN 72:2025/BGTVT
7	Dịch vụ kiểm tra bộ giảm tốc	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 3 QCVN 72:2025/BGTVT
8	Dịch vụ kiểm tra	Khoản 3 Điều 4 Thông	Phần 3, chương 3 QCVN

	khớp nối trục	tư số 48/2015/TT-BGTVT	72:2025/BGTVT
9	Dịch vụ kiểm tra neo	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 2B, chương 2 QCVN 72:2025/BGTVT
10	Dịch vụ kiểm tra xích neo	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 2B, chương 2 QCVN 72:2025/BGTVT
11	Dịch vụ kiểm tra định tra dây cáp thép và cáp sợi	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 2B, chương 4 QCVN 72:2025/BGTVT
12	Dịch vụ kiểm tra vật liệu cán, kéo	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 6A, chương 2 QCVN 72:2025/BGTVT
13	Dịch vụ kiểm tra thép đúc và thép rèn	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 6A, chương 4, chương 5 QCVN 72:2025/BGTVT
14	Dịch vụ kiểm tra nồi hơi	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 7 QCVN 72:2025/BGTVT
15	Dịch vụ kiểm tra bình chịu áp lực	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 8 QCVN 72:2025/BGTVT
16	Dịch vụ kiểm tra thiết bị nâng	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	QCVN 96:2016/BGTVT
17	Dịch vụ kiểm tra vật liệu hàn	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 6B, chương 6 QCVN 72:2025/BGTVT
18	Dịch vụ kiểm tra vật liệu phi kim loại	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 3, chương 4 QCVN 72:2025/BGTVT
19	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh - kín một phần (≥ 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
20	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh - kín một phần (< 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT

21	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh - kín toàn phần (≥ 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
22	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh - kín toàn phần (< 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
23	Dịch vụ kiểm tra bè tự thổi (≥ 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
24	Dịch vụ kiểm tra bè tự thổi (< 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
25	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh xuyên lửa (≥ 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
26	Dịch vụ kiểm tra xuống cứu sinh xuyên lửa (< 25 người)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
27	Dịch vụ kiểm tra xuống cấp cứu	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
28	Dịch vụ kiểm tra áo phao (gồm đèn chiếu của áo phao)	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
29	Dịch vụ kiểm tra phao tròn	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
30	Dịch vụ kiểm tra dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT
31	Dịch vụ kiểm tra dụng cụ nổi cứu sinh tập thể	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	Phần 10, chương 1 QCVN 72:2025/BGTVT

3. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
1	Dịch vụ đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp	Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	QCVN 65:2015/BGTVT

4. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chứng nhận thợ hàn

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
1	Dịch vụ chứng nhận thợ hàn	Khoản 10 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	Phần 6, chương 5 QCVN 21:2025/BGTVT